

TẬP A-HÀM QUYỂN 17

KINH 456. CHÁNH THỌ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới, hữu diệt giới<sup>2</sup>.”

Khi ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lễ dưới chân Phật, chắp tay, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới, diệt giới. Các thứ giới như vậy do nhân duyên gì để có thể biết?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Quang giới kia do duyên tối tăm mà được biết. Tịnh giới do duyên bất tịnh nên biết. Vô lượng không nhập xứ giới do duyên sắc mà biết. Vô lượng thức nhập xứ giới do không<sup>3</sup> mà được biết. Vô sở

---

1. Đại Chánh quyển 17. “Tập nhân tụng, phẩm iii, phần v” (tiêu mục trong nguyên bản Đại Chánh). Ấn Thuận: “5 Tương ưng Giới” tiếp theo, trì kinh 444 (Đại Chánh quyển 16). Paḷi, S. 14. 11. Sattimaḥ.

2. Quang giới 光界, tịnh giới 淨界, vô lượng không nhập xứ giới 無量空入處界, vô lượng thức nhập xứ giới 無量識入處界, vô sở hữu nhập xứ giới 無所有入處界, phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới 非想非非想入處界, hữu diệt giới 有滅界. Paḷi: sattimaḥ, bhikkhave, dhaṭṭuyo, katamaḥ sattaḥ? aḥbhaḍḍhaṭṭu, subhadhaṭṭu, aḥkaḥsaḥnaḥcaḥyatanadhaṭṭu, viḥḥāḥāḥcaḥyatanadhaṭṭu, aḥkiḥcaḥāḥāḥyatanadhaṭṭu, nevaḥsāḥāḥnaḥsaḥāḥāḥyatanadhaṭṭu, saḥāḥāḥvedayitanirodhadhaṭṭu, có bảy giới loại (ở đây: giới hệ hay cõi): giới loại ánh sáng, giới loại tịnh khiết, giới loại cảnh vực hư không vô biên, cảnh vực thức vô biên, cảnh vực vô sở hữu, cảnh vực phi tưởng phi phi tưởng, cõi của sự diệt tận tưởng và thọ.

3. Trong nguyên bản: duyên nội 緣內. Bản đời Nguyên: duyên nội không 緣內空. Ấn Thuận đề nghị sửa lại là (hư) không. Paḷi: aḥkaḥsaḥnaḥcaḥyatanāḥ paḥicca, duyên hư không vô biên.

hữu nhập xứ giới do duyên sở hữu<sup>4</sup> mà được biết. Phi tướng phi phi tướng nhập xứ giới do duyên hữu đệ nhất<sup>5</sup> mà được biết. Diệt giới là do duyên hữu thân<sup>6</sup> mà được biết”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, từ quang giới cho đến diệt giới này do vào chánh thọ<sup>7</sup> gì mà đạt được?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới; các cõi này ngay nơi chánh thọ đang tự hành mà đạt được<sup>8</sup>. Phi tướng phi phi tướng nhập xứ giới ở nơi chánh thọ của đệ nhất hữu<sup>9</sup> mà đạt được và diệt giới do chánh thọ của diệt hữu thân<sup>10</sup> mà đạt được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 457. THUYẾT<sup>11</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại giảng đường Lộc mẫu, Đông viên, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi chiều, Đức Thế Tôn sau khi từ thiền tịnh tỉnh

---

4. Pāḷi: vióaṃòāoācaṃyatanaṃ paḷicca, duyên thức vô biên xứ.

5. Hữu đệ nhất, hay hữu đánh, chóp đỉnh của hữu, cao nhất trong các cõi Hữu (Pāḷi: bhavagga). Bản Pāḷi: aḃkiócaóācaṃyatanaṃ paḷicca, duyên vô sở hữu xứ.

6. Hữu thân /<sup>o</sup> Pāḷi: sakkāya. Bản Pāḷi: nirodhaṃ paḷicca, duyên diệt.

7. Chánh thọ, hoặc đẳng chí, trạng thái tập trung, hợp nhất tư tưởng, có chín bậc định như vậy: bốn sắc giới thiền, bốn vô sắc định và diệt tận định. Pāḷi: samaṃpatti.

8. Bản Pāḷi: saóāṃsamaṃpatti pattabbaṃ, y tưởng chánh thọ (đẳng chí) mà đạt được.

9. Bản Pāḷi: saókhāṃraṃvasesa-samaṃpatti pattabbaṃ, đạt được do chánh thọ của hành hữu dư (một ít hành uẩn còn tàn dư).

10. Hữu thân diệt /<sup>o</sup> Pāḷi: nirodhasamaṃpatti, do diệt chánh thọ.

11. Pāḷi, S. 14. 13. Giójakaṃvasatha.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

giác, đến trong bóng mát giảng đường, trải tòa, ngồi trước đại chúng, nói những câu kệ Ưu-đàn-na, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Vì duyên giới mà sanh thuyết<sup>12</sup>, chứ không phải không do giới. Duyên giới mà sanh kiến, không phải không do giới. Duyên giới mà sanh tưởng, không phải không do giới. Duyên giới hạ liệt<sup>13</sup>, Ta nói, sanh thuyết hạ liệt<sup>14</sup>, kiến hạ liệt, tưởng hạ liệt, tư hạ liệt<sup>15</sup>, dục hạ liệt<sup>16</sup>, nguyện hạ liệt, hạ sĩ phu hạ liệt<sup>17</sup>, sở tác hạ liệt, thi thiết hạ liệt, kiến lập hạ liệt, hạ bộ phận hạ liệt, hạ hiển thị hạ liệt, hạ thọ sanh hạ liệt.

“Trung giới<sup>18</sup> cũng như vậy.

“Cũng vậy, đối với giới thù thắng<sup>19</sup>. Do duyên thắng giới, Ta nói kia sanh thuyết thù thắng, kiến thù thắng, tưởng thù thắng, nguyện thù thắng, sĩ phu thù thắng, sở tác thù thắng, thi thiết thù thắng, kiến lập thù thắng, bộ phận thù thắng, hiển thị thù thắng, thọ sanh thù thắng”.

Bấy giờ có Tỳ-kheo Bà-ca-lị<sup>20</sup> đang đứng sau, cầm quạt hầu Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu đối với Chánh đẳng Chánh giác, mà khởi lên kiến giải không phải Chánh đẳng Chánh giác, thì các kiến giải này cũng duyên theo giới mà sanh chăng?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với Chánh đẳng Chánh giác mà khởi kiến giải không phải Chánh đẳng Chánh giác<sup>21</sup>, cũng duyên theo giới mà sanh ra,

---

12. Paøli: dhaøtuø paæicca saóóaø uppajjati, duyên giới sanh tưởng.

13. Trong nguyên bản chép nhầm là bất giới 𑀅𑀲𑀓𑀲𑀢𑀺𑀓. Đây sửa lại là hạ giới 𑀅𑀲𑀓𑀲𑀢𑀺𑀓. Paøli: hinam dhaøtum.

14. Paøli: hinaø vaøcaø, ngôn ngữ thấp kém, hạ đẳng.

15. Paøli: hinaø cetanaø, tư niệm hay ý chí thấp kém.

16. Paøli: hinaø patthanaø, dục cầu hay hy vọng thấp kém.

17. Paøli: hi no puggalo, con người hay nhân cách thấp kém.

18. Như thị trung 𑀅𑀲𑀓𑀲𑀢𑀺𑀓. Paøli: majjhimaø dhaøtuø paæicca.

19. Paøli: paðitaø dhaøtu, giới vi diệu, thượng đẳng.

20. Bà-ca-lị 𑀅𑀲𑀓𑀲𑀢𑀺𑀓. Có lẽ Paøli: Vakkali. Nhưng, bản Paøli: Kaccaøna.

21. Paøli: asammaøsabuddhesu sammaø sambuddhaø' ti, ở nơi những vị không phải là Chánh đẳng Chánh giác mà thấy là Chánh đẳng Chánh giác.

không phải không duyên giới. Vì sao? Giới của phàm phu là vô minh giới. Như trước Ta đã nói, duyên hạ giới sanh hạ thuyết, hạ kiến,... cho đến, hạ thọ sanh. Duyên trung giới cũng như vậy, đối với thắng giới, cũng sanh thắng thuyết, thắng kiến, cho đến, thắng thọ sanh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 458. NHÂN<sup>22</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có nhân sanh ra dục tưởng, chứ không phải không có nhân; có nhân sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng<sup>23</sup>, chứ không phải không có nhân.

“Do nhân gì sanh dục tưởng? Do duyên dục giới. Duyên dục giới nên sanh ra dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt, dục cầu<sup>24</sup>. Kẻ phàm phu ngu si khi đã khởi lên dục cầu rồi, chúng sanh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng<sup>25</sup>, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác. Đó gọi là nhân duyên sanh dục tưởng.

“Thế nào là nhân duyên sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng? Đó là hại giới. Do duyên hại giới nên sanh hại tưởng, hại dục, hại giác, hại

---

<sup>22</sup>. Paḷi, S. 14. 12. Sanidaṇṇa (có nguyên do). Tham chiếu, A. 6. 39. Nidaṇṇa.

<sup>23</sup>. Dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng; ba bất thiện tưởng, cũng là ba bất thiện tâm, ba tư duy tâm cầu bất thiện. Paḷi: tayo akusala-vitakkaḥ: kaṃma-vitakko, vyaḥpaḥda-vitakko, vihiṃsaḥ-vitakko. Ba bất thiện tâm này cũng là ba bất thiện giới. Paḷi: tissa akusala-dhaṭṭuyo. Xem *Trường A-hàm*, N<sup>o</sup>1(7); D. 33. Saṅgīti.

<sup>24</sup>. Paḷi: kaṃma-dhaṭṭu, kaṃma-saóáaḥ, kaṃma-saökappo, kaṃma-chando, kaṃma-pariāaḥho, kaṃma-pariyesanaḥ; dục giới, dục tưởng, dục tư duy, dục dục, dục nhiệt não, dục tâm cầu.

<sup>25</sup>. Hán: hữu ngại, hữu não /<sup>s</sup> ̃ /<sup>s</sup> ̃ . Paḷi: sa-vighaṭṭaḥ, sa-upayaṇsaḥ.

niệt, hại cầu. Kể phàm phu ngu si khi đã khởi lên sự mong muốn làm hại, chúng sanh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác.

“Này các Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đang an trú nơi sanh như vậy mà sanh tưởng nguy hiểm<sup>26</sup>, không tìm cách loại bỏ, không tỉnh giác<sup>27</sup>, không nhả ra, thì hiện tại người ấy ngay trong đời hiện tại an trú khổ; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác.

“Ví như cách thành ấp, làng xóm không xa, có cánh đồng hoang, chột bốc lửa lớn. Nếu không có ai có sức mạnh để dập tắt lửa, nên biết, những chúng sanh ở trong đồng hoang đó chắc chắn sẽ bị lửa hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn đang an trú nơi sanh mà sanh tưởng nguy hiểm, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào đường ác.

“Này các Tỳ-kheo, có nhân sanh tưởng xuất yếu<sup>28</sup>, chứ không phải không có nhân.

“Thế nào là nhân sanh tưởng xuất yếu? Đó là xuất yếu giới<sup>29</sup>. Do duyên xuất yếu giới sanh xuất yếu tưởng, xuất yếu dục, xuất yếu giác, xuất yếu nhiệt, xuất yếu cầu. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự xuất yếu, chúng sanh này<sup>30</sup> phát sanh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sanh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất

---

26. Nguy hiểm tưởng  $\text{Paṭi} \text{Paṭi} \text{Paṭi}$  Tham chiếu Paṭi: upannaṃ visamagataṃ saóóāṃ na khippameva pajahati, không nhanh chóng loại bỏ ý tưởng bất chánh đang sanh khởi. Paṭi: visamagata, bất chánh, Hán đọc là visaṅgata, (bị chi phối bởi) độc hại.

27. Hán: bất giác  $\text{Paṭi} \text{Paṭi}$  có lẽ là na vinodeti, không bài trừ, nhưng bản Hán đọc là na vedeti: không cảm giác.

28. Xuất yếu tưởng  $\text{Paṭi} \text{Paṭi}$  tưởng thoát ly (xuất ly, xuất gia). Paṭi: nekkhama-vitakka (tư duy tâm cầu sự thoát ly).

29. Xem *Trung A hàm*, N<sup>0</sup>1(7): ba thiện giới: xuất ly giới, vô nhuế giới, vô hại giới; D. 33. Saṅgīti: tisso kusala-dhaṭṭuyo: nekkhama-dhaṭṭu, avyaṅgaṃ dhaṭṭu, avihiṃsaṃ dhaṭṭu.

30. Paṭi: đa văn Thánh đệ tử (sutavaṃ ariyaṃ vako).

vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng xuất yếu.

“Thế nào là nhân duyên sanh tưởng không nhuế, không hại<sup>31</sup>? Đó là bất nhuế, bất hại giới. Do nhân duyên bất hại giới sanh bất hại tưởng bất hại dục, bất hại giác, bất hại nhiệt, bất hại cầu không hại. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự bất hại, chúng sanh phát sanh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sanh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng bất hại.

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn an trụ nơi sanh mà sanh tưởng bất hại, không lia bỏ, không loại bỏ<sup>32</sup>, không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành.

“Ví như ven thành ấp, làng xóm, có cánh đồng hoang chột bốc lửa lớn. Có người có khả năng dùng tay, chân để dập tắt lửa. Nên biết, các chúng sanh sống nương cây cỏ đều không bị hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn an trụ nơi sanh mà sanh tưởng bất hại, không lia bỏ, không loại bỏ, không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 359. TỰ TÁC<sup>33</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

<sup>31</sup>. Bất nhuế, bất hại tưởng *अल द/ अल ०* Paṭṭi: avyaṅgaṇa-vitakka, avihiṅsaṇa-vitakka. Xem cht.28 trên.

<sup>32</sup>. Nguyên Hán: bất giác. Xem cht.27 trên.

<sup>33</sup>. Paṭṭi, A. 6. 38. Attakaṇṇi.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

“Chúng sanh không phải tự mình làm, không phải cái khác làm.”  
Phật bảo Bà-la-môn:

“Với luận thuyết như vậy thì Ta và ông không gặp nhau. Ông nay tự mình đi đến đây mà lại nói không tự mình làm, không phải cái khác làm.”

Bà-la-môn bạch:

“Thế nào, bạch Cù-đàm, chúng sanh là tự mình làm hay cái khác làm?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Bây giờ Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Nay Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, có phương tiện giới<sup>34</sup> của chúng sanh, nhờ đó các chúng sanh biết tạo ra phương tiện chăng?”

Bà-la-môn bạch:

“Bạch Cù-đàm, có phương tiện giới của chúng sanh đó, khiến cho các chúng sanh biết tạo ra phương tiện.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu có phương tiện giới nhờ đó mà các chúng sanh biết có phương tiện, thì đó là chúng sanh tự mình làm hay là cái khác làm<sup>35</sup>?”

“Nay Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới<sup>36</sup> của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác chăng?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác.”

---

<sup>34</sup>. Phương tiện giới 𑀅𑀲𑀓𑀲𑀢 ở đây, phương tiện đồng nghĩa gia hành (Paḷi: payoga), chỉ sự chuẩn bị phát khởi hành động. Bản Paḷi: aṛabbha-dhaṭṭu, phát khởi giới (xuất phát hành động).

<sup>35</sup>. Paḷi: yaḥ kho, braḥmaṇa, aṛabbhadhaṭṭuyāṇ sati aṛabbhavanto sattaḥ paḥāṇanti, ayaḥ sattaṇaḥ attakaṇṇa ayaḥ parakaṇṇa, cái gì mà trong khi khởi sự làm chúng sanh biết đang khởi sự làm, cái đó là việc tự mình làm, cái đó là việc người khác làm, của chúng sanh.

<sup>36</sup>. An trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới. Paḷi: nikkama-dhaṭṭu (xuất hành giới), thaṃma-dhaṭṭu (thế lực giới), æhitidhaṭṭu (an trú giới), upakkama-dhaṭṭu (công kích giới).

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác, thì đó là chúng tự mình làm hay là cái khác làm?”

Bà-la-môn bạch:

“Chúng sanh có việc tự mình làm, có việc người khác làm. Bạch Cù-đàm, vì ở đời có nhiều công việc, bây giờ xin phép được cáo từ.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ở đời có nhiều công việc, ông nên đúng thời.”

Sau khi nghe lời Phật dạy, Bà-la-môn hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

## M

### KINH 460. CÙ-SƯ-LA<sup>37</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di<sup>38</sup>. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la<sup>39</sup> đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngôi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Nói là nhiều chủng loại giới<sup>40</sup>. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?”

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

“Nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về hỷ xứ<sup>41</sup>. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh xúc. Do nhân duyên hỷ xúc sanh lạc thọ. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy.

“Lại nữa, này gia chủ, có nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về ưu xứ. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh khổ xúc. Do nhân duyên khổ sanh khổ thọ. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp

37. S. 35. 129. Ghosita.

38. Câu-diêm-di Cù-sư-la viên  $\text{P}^{\text{đ}} \text{L}^{\text{oo}} \text{P}^{\text{đ}}$  một tinh xá do Cù-sư-la (Paøli: Ghosita) dựng ở Câu-diêm-di (Kosambi).

39. Cù-sư-la trưởng giả  $\text{L}^{\text{oo}} \text{P}^{\text{đ}} \text{a} \text{Paøli}$ : Ghosita-gahapati.

40. Chủng chủng giới  $\text{o}^{\text{`}} \text{o}^{\text{`}} \text{r}$ . Paøli: dhaøtunaønattaø, sự đa dạng của giới.

41. Paøli: samvajjati... cakkhuddhaøtu ruøpaø ca manaøpaø, có nhãn giới và sắc khả ái.



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

cũng nói như vậy.

“Lại nữa này gia chủ, nhãn giới khác, sắc giới khác thuộc về xả xứ. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh xúc, không khổ, không lạc. Do nhân duyên xúc không khổ, không lạc sanh thọ, không khổ, không lạc. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy.”

Gia chủ Cù-sư-la sau khi nghe lời dạy của Tôn giả A-nan hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

### M

#### KINH 461. TAM GIỚI (1)<sup>42</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di<sup>43</sup>. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?”

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

“Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ:

*Hiểu rõ về Dục giới,  
Sắc giới cũng như vậy.  
Bỏ tất cả hữu dư,  
Được tịch diệt vô dư.  
Nơi thân hòa hợp giới<sup>44</sup>,  
Đoạn tuyệt, chứng vô dư.  
Đấng Chánh Giác<sup>45</sup> đã chỉ,  
Dấu vô ưu, ly cấu<sup>46</sup>.*

<sup>42</sup>. Tham chiếu It. 51.

<sup>43</sup>. Xem cht.38, kinh 460.

<sup>44</sup>. Paøli (Cf. It. 51): kaøyena amataø dhaøtuø phusayitvaø niruøpadihø, bằng tự thân, chứng nghiệm bất tử giới (cam lộ giới), chứng vô dư y.

<sup>45</sup>. Nguyên Hán: Tam-da-tam-phật 𑖔𑖑𑖓𑖔 𑖔𑖑𑖓𑖔 / i.

Tôn giả A-nan nói kinh này xong, gia chủ Cù-sư-la hoan hỷ, tùy hỷ, rồi lui ra.

M

KINH 462. TAM GIỚI (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di<sup>47</sup>. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?”

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

“Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Sắc giới, Vô sắc giới, Diệt giới<sup>48</sup>.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ:

*Nếu chúng sanh Sắc giới,  
Và trụ Vô sắc giới,  
Mà không biết Diệt giới,  
Thì lại thọ các hữu.  
Nếu đoạn được sắc giới,  
Không trụ vô sắc giới,  
Diệt giới, tâm giải thoát,  
Thì xa lìa sanh tử.*

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì gia chủ Cù-sư-la tùy hỷ, vui mừng làm lễ mà lui.

M

KINH 463. TAM GIỚI (3)

---

<sup>46</sup>. Hán: vô ưu ly cấu cú 𑖃𑖔 𑖔𑖕 - 𑖔𑖕 « 𑖔𑖕. Paḥli (Cf. It.51): deseti sammaṃsambuddho asokaṃ virajaṃ padan ti, Đấng Chánh Giác chỉ rõ dấu chân không ưu phiền, không cấu nhiễm.

<sup>47</sup>. Xem cht.38, kinh 460.

<sup>48</sup>. Cf. It. 51: tisso dhaṭṭuyo: ruṃpadhaṭṭu, aṃruṃpadhaṭṭu, nirodhadhaṭṭu.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?”

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

“Có ba thứ giới xuất ly, đó là xuất ly từ Dục giới cho đến Sắc giới và xuất ly từ Sắc giới cho đến Vô sắc giới. Ở đây, tất cả các hành, tất cả những tư tưởng về giới đều dứt hết. Đó gọi là ba thứ giới cần xuất ly, rồi Tôn giả nói bài kệ:

*Biết xuất ly Dục giới,  
Vượt luôn khỏi Sắc giới,  
Tất cả hành tịch diệt,  
Siêng tu, chánh phương tiện.  
Đoạn trừ tất cả ái,  
Tất cả hành diệt tận.  
Biết tất cả hữu dư,  
Không xoay chuyển lại hữu.*

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì gia chủ Cù-sư-la tùy hỷ vui mừng làm lễ mà lui.

## M

### KINH 464. ĐỒNG PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa<sup>49</sup>. Khi đến nơi ấy, Tôn giả cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, bạch vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa:

“Nếu có Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hay ở trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?”

---

<sup>49</sup>. Thượng tọa Thượng Tọa danh giả 𑖀𑖔𑖔𑖔 𑖀𑖔𑖔𑖔 / 𑖀𑖔𑖔𑖔. Không rõ Paṭli.

Thượng tọa đáp:

“Này Tôn giả A-nan, nếu người nào ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh, nên dùng hai pháp này để chuyên tinh tư duy, đó là chỉ và quán<sup>50</sup>.”

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

“Tu tập chỉ, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì? Tu tập quán, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì?”

Thượng tọa trả lời Tôn giả A-nan:

“Tu tập chỉ, cuối cùng thành tựu được quán. Tu tập quán, cũng thành tựu được chỉ. Nghĩa là Thánh đệ tử tu tập gồm cả chỉ và quán, chứng đắc các giải thoát giới.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Bạch Thượng tọa, thế nào là các giải thoát giới?”

Thượng tọa đáp:

“Này Tôn giả A-nan, đoạn giới, vô dục giới, diệt giới, đó gọi là các giải thoát giới.”

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

“Thế nào là đoạn giới cho đến diệt giới?”

Thượng tọa đáp:

“Này Tôn giả A-nan, đoạn tất cả hành, đó gọi là đoạn giới. Đoạn trừ ái dục, đó là vô dục giới. Tất cả hành diệt, gọi là diệt giới.”

Tôn giả A-nan, sau khi nghe Thượng tọa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi đi thẳng đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo, cung kính hỏi thăm, rồi ngồi lui qua một bên, bạch với năm trăm vị Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào trong lúc ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?”

Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo trả lời Tôn giả A-nan:

“Nên dùng hai pháp chuyên tinh mà tư duy.” Chi tiết, cho đến, “diệt giới,” như vị Thượng tọa đã nói trên kia.

Khi Tôn giả A-nan nghe năm trăm vị Tỳ-kheo nói như vậy, hoan hỷ tùy hỷ, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay

---

<sup>50</sup>. Chỉ và quán. Pāḷi: samatha, vipassanaṃ (xa-ma-tha, tỳ-bát-xa-na).

trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng phương pháp gì để chuyên tinh tư duy?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng hai pháp để chuyên tinh tư duy.” Chi tiết, cho đến, “diệt giới,” như năm trăm Tỳ-kheo đã nói.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Bạch Đạo Sư và các đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị. Hôm nay con đến Thượng tọa có tên là Thượng Tọa hỏi nghĩa này, Tôn giả ấy cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này giải đáp cho con, như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Con lại đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này hỏi năm trăm Tỳ-kheo, họ cũng đem nghĩa này, câu này, vị này mà đáp như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Cho nên biết rằng, Thầy và đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Người có biết vị Thượng tọa này là Tỳ-kheo như thế nào không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không biết.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Thượng tọa này là A-la-hán, các lậu đã giữ sạch, đã vứt bỏ gánh nặng, đạt được chánh trí, tâm khéo giải thoát. Năm trăm vị Tỳ-kheo kia cũng đều như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 465. TRƯỚC SỬ<sup>51</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

---

<sup>51</sup>. S. 18. 21. Anusaya; tham chiếu S. 22. 91. Raḥhulo.

xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn<sup>52</sup>?”

Phật bảo La-hầu-la:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì người mà nói.

“Nếu Tỳ-kheo nào đối với những gì thuộc địa giới, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, mà biết như thật, thì tất cả những thứ đó đều không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đối với thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới, lại cũng như vậy.

“Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với thức thân này của chính mình và tất cả những tướng thuộc cảnh giới bên ngoài, thì không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn.

“Này La hầu la, nếu Tỳ-kheo nào đối với thức thân này và tất cả những tướng của cảnh giới ở bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn, thì đó gọi là dứt sự ràng buộc của ái, dứt các kết sử, đoạn trừ ái, dừng kiêu mạn, đặc hiện quán, đến tột cùng của mé khổ.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 466. XÚC NHÂN<sup>53</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

---

<sup>52</sup>. Ngã, ngã sở kiến, ngã mạn hệ trước sử. Paḷi: ahaḁkaḁramamaḁkaḁramaḁmaḁnusayaḁ, các tùy miên ngã, ngã sở và mạn.

<sup>53</sup>. Ấn Thuận, tụng 3. Tạp nhân, 6. Tương ưng Thọ, gồm các kinh, Đại Chánh 466-489. phần lớn, tương đương Paḷi: S.36. Vedanaḁsaḁyutta. Đại Chánh kinh 466, Paḷi, S.36.10 Phassa-muḁlaka.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn<sup>54</sup>?”

Phật bảo La-hầu-la:

“Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Ba thọ này do nhân gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì? Tức là, ba thọ này, xúc là nhân, là tập, là sanh, là chuyển. Do xúc nhân như thế này, thế kia sanh các thọ như thế này, thế kia. Nếu xúc thế này thế kia diệt, thọ thế này thế kia cũng diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh. Biết như vậy, thấy như vậy thì ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 467. KIỂM THÍCH<sup>55</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ; quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiếm đâm; quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường. Nếu Tỳ-kheo quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ, quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiếm đâm, quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường, hoại diệt, thì đó gọi

---

<sup>54</sup>. Xem cht.52 kinh 465.

<sup>55</sup>. Gươm đâm. Pāḷi, S. 36. 5. Daææhabbena.

là chánh kiến.”

Sau đó Thế Tôn nói bài kệ:

*Quán vui, khởi tưởng khổ,  
Khổ thọ như kiếm đâm,  
Đối với không khổ vui,  
Tu tưởng vô thường, diệt;  
Đó gọi là Tỳ-kheo  
Thành tựu được chánh kiến.  
Đạo an vui tịch diệt,  
Trụ nơi mé cuối cùng,  
Vĩnh viễn lìa phiền não,  
Đẹp tan chúng quân ma.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 468. TAM THỌ<sup>56</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?”

Phật bảo Tôn giả La-hầu-la:

“Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi quán sát lạc thọ, vì muốn dứt trừ tham sử<sup>57</sup> đối lạc thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh; vì muốn dứt trừ sân nhuế sử<sup>58</sup> đối với khổ thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh; vì muốn dứt trừ ngu si sử<sup>59</sup> đối với bất

<sup>56</sup>. S. 36. 3. Pahaṇena.

<sup>57</sup>. Tham sử, tức tham tùy miên. Pāḷi: raḅgaṇusayo.

<sup>58</sup>. Sân nhuế sử, hay sân tùy miên. Pāḷi: paḅighaṇusayo.

<sup>59</sup>. Si sử, hay si tùy miên. Pāḷi: avjjaṇusayo, vô minh tùy miên.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

khổ bất lạc thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh.

“Này La hầu la, nếu Tỳ-kheo nào đối với kết sử tham nơi lạc thọ đã dứt trừ, đã biết; đối với kết sử sân nhuế nơi khổ thọ đã dứt trừ, đã biết; và đối với kết sử si nơi bất khổ bất lạc thọ đã dứt trừ, đã biết, thì đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ ái dục, dứt các kết buộc, diệt kiêu mạn<sup>60</sup>, đến tột cùng của mé khổ<sup>61</sup>.”

Sau đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Khi cảm nhận lạc thọ,  
Thì không biết lạc thọ  
Bị tham sử sai khiến,  
Không thấy đường xuất ly.  
Lúc cảm nhận khổ thọ,  
Thì không biết khổ thọ  
Bị sân nhuế sai sử,  
Không thấy đường xuất ly.  
Thọ không vui không khổ,  
Đấng Chánh Giác đã nói,  
Nếu không khéo quán sát,  
Quyết không qua bờ kia.  
Tỳ-kheo cần tinh tấn,  
Chánh tri không động chuyển<sup>62</sup>,  
Như tất cả thọ này,  
Người trí thường hiểu biết.  
Người hiểu biết các thọ,  
Hiện tại hết các lậu,  
Người trí sáng mạng chung,*

---

<sup>60</sup>. mạn vô gián °C □L T i / S Paøli: maññañbhisamaya, hiện quán mạn, hiểu rõ mạn, làm đình chỉ, tiêu vong kiêu mạn.

<sup>61</sup>. Paøli: ayañ vuccati, bhikkhave, bhikkhu niranusayo sammaddaso accheti tañhañ vivattayi sañyojanañ sammañ maññañbhisamayañ antamañasi dukkhassañ' ti. Đây gọi là Tỳ-kheo đã dứt sạch tùy miên, hoàn toàn cắt đứt khát ái, trừ khử kết buộc, một cách chân chánh thấy rõ kiêu mạn (tiêu diệt kiêu mạn), chấm dứt khổ.

<sup>62</sup>. Paøli: sañpajaññañ na riñcati, không bỏ chánh trí. Paøli: riñcati, rời, chối bỏ, phủ nhận; bản Hán đọc là iñjati: dao động.

*Không rơi vào các số<sup>63</sup>,  
Các số đã dứt tuyệt,  
Thường nhập Niết-bàn lạc.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 469. THÂM HIỂM<sup>64</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

“Biển lớn sâu hiểm<sup>65</sup>. Đó là cái sâu hiểm mà người ngu ở thế gian này thường nói, không phải là sâu hiểm được nói trong pháp luật của Hiền thánh<sup>66</sup>. Những gì mà thế gian nói về sự sâu hiểm thì đó chỉ là sự tích tụ số lượng nước nhiều mà thôi. Nếu các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, thì đó mới gọi là nơi sâu hiểm vô cùng của biển lớn.

“Phàm phu ngu si không học, ở nơi các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mà trường kỳ chìm đắm, không chỗ dừng nghỉ.

“Đa văn Thánh đệ tử, ở nơi các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mà không chìm đắm sanh tử, được chỗ dừng nghỉ.”

Sau đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

63. Hán: bắt đọa ứ chúng số *𑀘𑀯𑀤𑀲𑀓𑀢𑀺𑀣𑀺𑀛𑀸𑀲𑀺*. Paḷi: kaḥyaṣṣa bhedaḥ dhamaḥḥo saḍkhaḥ nōpeti vedaguḥ ti, không thể mô tả bậc Pháp trí, vị Hiền trí, khi thân hoại (định danh).

64. Sâu thăm, hiểm trở, chỉ vực thăm. S. 36. 4. Paṭṭaṭṭa.

65. Hán: đại hải thâm hiểm *𑀘𑀺𑀛𑀺𑀲𑀺𑀛𑀸𑀲𑀺*. Paḷi: atthi mahāḥsaṃmuḍḍe paṭṭaṭṭo'ti, trong biển cả có vực thăm.

66. Paḷi: (...) asataḥ avijjamaṇaḥ evaḥ vaḥcaḥ bhassaṭṭi (trong biển có vực thăm), nói về cái không hiện hữu, không tồn tại.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Thân sanh các khổ thọ,  
Bức bách cho đến chết,  
Sầu bi không chịu nổi,  
Than khóc, phát cuồng loạn.  
Tâm tự sanh khổn quẫn,  
Chiêu tập các khổ tăng,  
Mãi chìm biển sanh tử,  
Nào biết chỗ dừng nghỉ.  
Xả các thọ nơi thân,  
Khổ nào sanh từ thân,  
Bức bách cho đến chết,  
Không khởi tưởng buồn lo,  
Không than khóc kêu gào,  
Thường nhẫn thọ các khổ,  
Tâm không sanh chướng ngại,  
Chiêu tập các khổ tăng,  
Không chìm đắm sanh tử,  
Quyết được nơi an ổn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 470. TIỀN<sup>67</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm phu ngu si không học sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Đa văn Thánh đệ tử cũng sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Nay các Tỳ-kheo, như vậy giữa phàm phu và Thánh nhân có gì sai khác?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của

---

<sup>67</sup>. Mũi tên. Paoli, S. 36. 6. Sallattena.

pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, vì thân xúc chạm sanh các thọ, tăng thêm các khổ đau, cho đến bị cướp mất mạng sống, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu gào, tâm sanh cuồng loạn. Ngay lúc đó hai thọ tăng trưởng, là thân thọ và tâm thọ. Như có người thân bị trúng hai mũi tên độc, vô cùng đau đớn. Phàm phu ngu si không học lại cũng như vậy. Hai thọ tăng trưởng: thân thọ, tâm thọ vô cùng đau đớn, khổ sở. Vì sao? Vì phàm phu ngu si không học này vì không biết rõ, nên ở nơi ngũ dục mà phát sanh cảm xúc lạc thọ, lãnh thọ năm thứ dục lạc. Do lãnh thọ năm thứ dục lạc nên bị tham sử sai khiến<sup>68</sup>. Vì xúc chạm cảm thọ khổ nên sanh sân nhuế. Vì nổi sân nhuế nên bị nhuế sử sai khiến<sup>69</sup>. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại và xuất ly của hai thọ này mà không biết như thật; vì không biết như thật nên sanh cảm thọ không khổ không lạc, bị si sử sai khiến. Nó bị lạc thọ trói buộc, mãi không thể lìa<sup>70</sup>; bị khổ thọ trói buộc, trọn không thể lìa; bị cảm thọ không khổ không lạc trói buộc, cuối cùng không thể lìa.

“Cái gì trói buộc? Bị tham, nhuế, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trói buộc.”

“Đa văn Thánh đệ tử, thân xúc sanh khổ thọ, khổ lớn bức bách... cho đến cướp mất sanh mạng, mà không khởi lo buồn, thán oán, khóc lóc, kêu gào, loạn tâm phát cuồng. Ngay lúc đó chỉ sanh một thứ thọ, đó là thân thọ, chứ không sanh tâm thọ. Như người bị một mũi tên độc, không bị mũi tên độc thứ hai, ngay khi đó chỉ sanh có một cảm thọ, đó là thân thọ mà không sanh tâm thọ. Khi xúc chạm lạc thọ, không

---

<sup>68</sup>. Vi tham sử sở sử. Paṭṭhi: yo sukhaṃ vedanaṃ raḡgaṇusayo so anuseti, tiem phục tham tùy miên đối với cảm thọ lạc.

<sup>69</sup>. Paṭṭhi: yo dukkhaṃ vedanaṃ paḡghaṇusayo so anuseti, đối với cảm thọ khổ, sân tùy miên tiem phục.

<sup>70</sup>. Paṭṭhi: so sukhaṃ vedanaṃ vedayati, saóutto naṃ vedayati; nếu nó cảm giác lạc. nó cảm giác bị cái đó trói buộc.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

niêm dục lạc. Vì không nhiễm dục lạc nên đối với lạc thọ này, tham sử không sai khiến. Khi xúc chạm khổ thọ không sanh sân nhuế. Vì không sanh sân nhuế, nên nhuế sử không thể sai khiến. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của hai sử này mà biết như thật; vì biết như thật cảm thọ không khổ không lạc, nên si sử không thể sai khiến được. Đối với lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc; khổ thọ, không khổ không lạc thọ cũng được giải thoát, không bị trói buộc.

“Không bị cái gì trói buộc? Tham, nhuế, si không trói buộc; sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não không trói buộc.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Đa văn đối khổ vui,  
Không phải không cảm giác.  
So với kẻ không học,  
Người này thật xa khác<sup>71</sup>.  
Thọ lạc, không buông lung,  
Gặp khổ không tăng sầu;  
Khổ vui thấy đều bỏ,  
Không thuận cũng không trái.  
Tỳ-kheo siêng phượng tiện,  
Chánh trí không khuynh động<sup>72</sup>,  
Đối với các thọ này,  
Trí tuệ thường biết rõ.  
Vì biết rõ các thọ,  
Hiện tại sạch các lậu,  
Khi chết không đọa lạc<sup>73</sup>,  
An trú Đại Niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

<sup>71</sup>. Trong nguyên bản: đại văn 𑖀𑖩 𑖀𑖩𑖩 sửa lại là đại gian 𑖀𑖩 𑖀𑖩𑖩 cách biệt rất lớn.

<sup>72</sup>. Xem cht.62, kinh 468.

<sup>73</sup>. Hán: *bất đọa số*, xem cht.63 kinh 468.

M

KINH 471. HƯ KHÔNG<sup>74</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như giữa hư không, gió lộng từ bốn phương thổi đến như gió có bụi bặm, gió không bụi bặm, gió tỳ-thấp-ba<sup>75</sup>, gió tỳ-lam-bà<sup>76</sup>, gió mỏng, gió dày, cho đến phong luân gió dậy. Gió cảm thọ trong thân cũng như vậy. Đủ các thứ thọ khởi lên như lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó là những cảm thọ lạc của thân, cảm thọ khổ của thân, cảm thọ không khổ không lạc của thân; cảm thọ lạc của tâm, cảm thọ khổ của tâm, cảm thọ không khổ không lạc của tâm; cảm thọ thực vị lạc<sup>77</sup>, cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm lạc thọ phi thực vị, cảm thọ khổ phi thực vị, cảm thọ không khổ không lạc phi thực vị; cảm thọ lạc do tham, cảm thọ khổ do tham, cảm thọ không khổ không lạc do tham; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Như ở giữa hư không,  
Các gió cuồng nổi dậy;  
Gió Đông, Tây, Nam, Bắc,  
Bốn phương đều như vậy.  
Có bụi và không bụi,  
Cho đến phong luân khởi.  
Cũng vậy trong thân này,  
Các thọ cũng dấy lên.  
Hoặc lạc, hoặc khổ thọ,  
Và không khổ không lạc,  
Có ăn cùng không ăn,*

<sup>74</sup>. S. 36. 12. AḶkaḡsa.

<sup>75</sup>. Tỳ-thấp-ba phong *~s ~\* ~i* PaḶi không có. Có lẽ Phạm: vizva-vaḡta, gió mạnh.

<sup>76</sup>. Tỳ-lam-bà phong. @ *~Ṣ ~Ḷ* PaḶi: verambha-vaḡta, não. Bản PaḶi không kể.

<sup>77</sup>. Lạc thực thọ *~\* ~i* PaḶi: saḡmisaḡpi sukhaḡ vedanaḡ, cảm thọ lạc của da thịt, của vị ái nhiễm (sa-aḡmisa: có thịt, nhục thể, xác thịt, vật chất).

*Tham trước không tham trước.  
Tỳ-kheo siêng phượng tiện,  
Chánh trí không lay động<sup>78</sup>,  
Đối với các thọ này,  
Trí tuệ thường biết rõ.  
Vì biết rõ các thọ,  
Hiện tại sạch các lậu,  
Khi chết không đọa lạc<sup>79</sup>,  
An trụ Bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 472. KHÁCH XÁ<sup>80</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như nhà khách có đủ hạng người đến ở. Hoặc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, gia chủ, cư sĩ, người nhà quê, thợ săn, người trì giới, người phạm giới, người tại gia, người xuất gia. Tất cả đều trọ ở trong đó. Thân này cũng lại như vậy. Đủ các thứ thọ sanh khổ như khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ; thân thọ lạc, thân thọ khổ, thân thọ không khổ không lạc; tâm thọ lạc, tâm thọ khổ, tâm thọ không khổ không lạc; cảm thọ thực vị lạc<sup>81</sup>, cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm thọ phi thực vị lạc, cảm thọ phi thực vị khổ, cảm thọ phi thực vị không khổ không lạc; cảm thọ lạc do tham trước, cảm thọ khổ do tham trước, cảm thọ không khổ không lạc do tham trước; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly.”

---

<sup>78</sup>. Xem cht.62 kinh 468.

<sup>79</sup>. Xem cht.63 kinh 468.

<sup>80</sup>. S. 36. 14. AḶḡaḡarāḡ.

<sup>81</sup>. Xem cht.77, kinh 471.



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Như ở trong nhà khách,  
Đủ hạng người ở trọ,  
Sát-lợi, Bà-la-môn,  
Gia chủ và cư sĩ,  
Chiên-đà-la, dân quê,  
Người trì giới, phạm giới,  
Kẻ tại gia, xuất gia,  
Nhiều hạng người như vậy.  
Thân này cũng như vậy,  
Các thứ cảm thọ sanh,  
Hoặc vui, hoặc khổ thọ,  
Và không khổ không lạc,  
Thực vị, phi thực vị,  
Tham đắm, không tham đắm.  
Tỳ-kheo siêng phượng tiện,  
Chánh trí không lay động,  
Đối với các thọ này,  
Trí tuệ thường biết rõ,  
Vì biết rõ các thọ,  
Hiện tại hết các lậu,  
Khi chết không đọa lạc,  
An trụ Bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 473. THIÊN<sup>82</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng<sup>83</sup>, thiền tịnh, tư duy:

---

<sup>82</sup>. S. 36. 11. Rahogataka (Ẩn dật).

<sup>83</sup>. Độc nhất tịnh xứ *W@ D B*. Pāḷi: rahogata, sống ẩn dật.

‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thấy đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?’

Tỳ-kheo này suy nghĩ như vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh tư duy có nghĩ rằng: ‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?’”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta, vì tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi nên nói những gì thuộc về thọ thấy đều là khổ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Biết các hành vô thường,  
Đều là pháp biến dịch,  
Nên nói thọ là khổ,  
Chánh Giác biết điều này.  
Tỳ-kheo siêng phượng tiện,  
Chánh trí không lay động,  
Đối với tất cả thọ,  
Trí tuệ thường biết rõ.  
Biết rõ tất cả thọ,  
Hiện tại hết các lậu,  
Khi chết không đọa lạc,  
An trụ Bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 474. CHỈ TỨC<sup>84</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-

---

<sup>84</sup>. S. 36. 15-16. Santakaö.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nan ở một mình chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh nghĩ rằng: ‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?’

Suy nghĩ vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền tịnh tư duy rằng: ‘Như lời Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?’”

Phật bảo A-nan:

“Ta, vì tất cả hành là vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi, nên nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Lại nữa A-nan, Ta, vì các hành tuần tự tịch diệt<sup>85</sup>, vì các hành tuần tự tĩnh chỉ<sup>86</sup>, nên Ta nói tất cả thọ đều là khổ.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn vì các hành tuần tự tịch diệt mà nói, là nghĩa thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Khi nhập<sup>87</sup> Sơ thiền, thì ngôn ngữ tịch diệt. Nhập Nhị thiền thì giác quán<sup>88</sup> tịch diệt. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tịch diệt<sup>89</sup>. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tịch diệt. Nhập Không nhập xứ<sup>90</sup>, sắc tướng tịch diệt. Nhập Thức nhập xứ<sup>91</sup>, tưởng không nhập xứ vắng lặng. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tịch diệt. Nhập Phi

---

85. Tịch thú tịch diệt 𑖀𑖡 / 𑖀𑖡𑖢. Paḥli: anupubbasaõkhaõraõõaõ nirodho, sự biến mất của các hành theo tuần tự.

86. Tịch thú chỉ tức 𑖀𑖡 / 𑖀𑖡𑖢𑖣. Paḥli: anupubbasaõkhaõraõõ vuppasamoõ, lần lượt đình chỉ, an tĩnh.

87. Nguyên Hán: chánh thọ 𑖡𑖢𑖣. Paḥli: samaõpatti, danh từ; phân từ samaõpanna thượng được dịch là đạt đến, hay nhập. Paḥli: paõhamaõ jhaõnaõ samaõpanassa, khi chứng nhập Sơ thiền.

88. Giác quán 𑖡𑖢𑖣 hay tâm tứ. Paḥli: vitakka-vicaõra.

89. Thiền thú ba được gọi là “Ly hỷ diệu lạc địa” (thân cảm giác lạc vi diệu do đã loại bỏ hỷ).

90. Không nhập xứ, tức Không vô biên xứ định (hư không vô biên).

91. Thức nhập xứ, tức Thức vô biên xứ định.

tướng phi phi tướng nhập xứ, tướng vô sở hữu nhập xứ tịch diệt. Nhập Tướng thọ diệt, tướng và thọ tịch diệt. Đó gọi là các hành dần dần vắng lặng.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn vì các hành tuần tự tĩnh chỉ mà nói, là nghĩa thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Khi nhập Sơ thiền, ngôn ngữ tĩnh chỉ. Nhập Nhị thiền thì giác quán tĩnh chỉ. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tĩnh chỉ. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tĩnh chỉ. Nhập Không nhập xứ, sắc tướng tĩnh chỉ. Nhập Thức nhập xứ, tướng không nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tướng thức nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Phi tướng phi phi tướng nhập xứ, tướng vô sở hữu nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Tướng thọ diệt, tướng và thọ tĩnh chỉ. Đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ.”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có phải đó gọi là các hành tuần tự tĩnh chỉ?”

Phật bảo A-nan:

“Lại có sự tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được.”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những gì là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được?”

Phật bảo A-nan:

“Đối với tham dục, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; với sân nhuế, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; đó gọi là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 475. TIÊN TRÍ<sup>92</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phật Tỳ-bà-thi, khi chưa thành đạo, một mình ở chỗ thanh vắng thiền tịnh tư duy, bằng quán sát thọ như vậy mà quán sát các thọ: ‘Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?’ Như vậy quán sát, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt thì thọ diệt. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, không đắm nhiễm, không hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*“Giống như Phật Tỳ-bà-thi; Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù, Phật Ca-la-ca Tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp và Ta là Phật Thích-ca Văn, khi chưa thành Phật, cũng lại tư duy quán sát các thọ như vậy.”<sup>93</sup>*

M

KINH 476. THIÊN TU<sup>94</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo, một mình ở chỗ vắng vẻ, thiền tịnh, tư duy,

---

<sup>92</sup>. Trí đời trước. Paḍḍi, S. 36. 24. Pubbaóóaøòà.

<sup>93</sup>. Tóm tắt sáu kinh.

<sup>94</sup>. S. 36. 23. Bhikkhu.

quán sát các thọ như vậy: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là xuất ly thọ?

Bấy giờ, Tỳ-kheo này sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi chỗ vắng thiền tịnh, tư duy, quán sát các thọ: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt tận thì thọ diệt tận. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi đó là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

#### KINH 477. A-NAN SỞ VẤN<sup>95</sup>

Như kinh Tỳ-kheo hỏi ở trên, kinh này Tôn giả A-nan cũng hỏi như vậy.

M

---

<sup>95</sup>. Những câu hỏi của A-nan.

KINH 478. TỖ-KHEO<sup>96</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi; khi xúc diệt tận, thọ diệt tận. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi đó là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 479. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Ta không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật

---

<sup>96</sup>. Pāḷi: S.36.25 Bhikkhu.

đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, thì Ta ở giữa chư Thiên, thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người, không được giải thoát, xuất thọ, thoát khỏi các điên đảo, cũng không phải Chánh Đẳng Chánh Giác<sup>97</sup>. Vì Ta biết như thật đối với các thọ, sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất thọ, nên ở giữa chư Thiên, thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người, Ta là Bạc Giải Thoát, là Bạc Xuất Ly, là Bạc ra khỏi các điên đảo và đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 480. SA-MOAN BÀ-LA-MOAN<sup>98</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này không phải là Sa-môn, không phải là Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không phải nghĩa Sa-môn, cũng không phải nghĩa Bà-la-môn<sup>99</sup>, ngay trong đời hiện tại không tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật đối với các thọ; biết như thật đối với sự

<sup>97</sup>. Nguyên bản: A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

<sup>98</sup>. S. 36. 26-28. Samaṇa-brahmaṇa.

<sup>99</sup>. Sa-môn nghĩa, Bà-la-môn nghĩa  $\text{S}^a . \eta . \text{C}^i . \text{a} . \eta$ . Pāḷi: saṃmaśāttathā brahamaśāttathā, đối với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn.



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này là Sa-môn của Sa-môn, Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn, đồng với Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, ngay trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*“Như Sa-môn, không phải Sa-môn. Cũng vậy, Sa-môn số<sup>100</sup> và không phải Sa-môn số cũng đều như vậy.”*

### M

#### KINH 481. NHẤT-XA-NĂNG-GIÀ-LA<sup>101</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong rừng Nhất-xa-năng-già-la<sup>102</sup>, nước Nhất-xa-năng-già-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta muốn ở lại tại đây nửa tháng để ngồi thiền. Các Tỳ-kheo, chớ đi du hành nữa<sup>103</sup>, trừ khi đi khát thực và Bố tát.”

Rồi tọa thiền, không du hành nữa.

Bấy giờ, qua nửa tháng, Thế Tôn trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Khi Ta, bằng một ít thiền phần của thiền pháp được tư duy khi mới thành Phật, nay trong tháng này, tư duy rằng: Sự sanh khởi của tất cả cảm thọ của chúng đều có nhân duyên, không phải không có nhân duyên.

“Những gì là nhân duyên? Dục là nhân duyên, giác<sup>104</sup> là nhân duyên, xúc là nhân duyên. Nay các Tỳ-kheo, nếu dục không được diệt tận<sup>105</sup>, giác không diệt tận, xúc không diệt tận, do những nhân duyên

---

<sup>100</sup>. Xem cht.74, kinh. 391.

<sup>101</sup>. Paḍi, S. 54. 11. Icchaṇaigala.

<sup>102</sup>. Nhất-xa-năng-già-la lâm 𑖀𑖩𑖫𑖬 / 𑖀𑖩𑖫𑖬. Paḍi: Icchaṇaigalavaṇa.

<sup>103</sup>. Trong bản Paḍi: trừ thị giả mang thức ăn đến, đừng ai đến chỗ Ta.

<sup>104</sup>. Giác, đây chỉ tâm, hay tư duy tâm cầu. Paḍi: vitakka.

<sup>105</sup>. Tịch diệt, đây chỉ diệt tận. Paḍi: nirodha.

này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục kia được diệt tận, nhưng giác không diệt tận, xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục kia được diệt tận, giác diệt tận, nhưng xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục kia được diệt tận, giác diệt tận, xúc diệt tận; nhưng do nhân duyên kia mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh, là do nhân duyên cái kia diệt tận, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Vì nhân duyên tà kiến nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; vì nhân duyên tà kiến không diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; vì nhân duyên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát và tà trí, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên tà trí không diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Do nhân duyên chánh kiến nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh kiến tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát và chánh trí nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh trí tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục này không được mà được, không thu hoạch mà thu hoạch, không chứng mà chứng, thì cũng vì nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh, vì nhân duyên cái kia tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Đó gọi là vì nhân duyên không diệt tận, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; và vì nhân duyên diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật đối với duyên duyên, sự tập khởi của duyên duyên, sự diệt tận của duyên duyên, con đường đưa đến sự tập khởi của duyên duyên, con đường đưa đến sự diệt tận của duyên duyên như vậy, thì người này không phải là Sa-môn của Sa-môn, không phải Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn của Sa-môn, không đồng với

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đúng nghĩa Sa-môn, không đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với pháp hiện tại không tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, mà biết như thật đối với duyên duyên, sự tập khởi của duyên duyên, sự diệt tận của duyên duyên, con đường đưa đến sự tập khởi của duyên duyên và con đường đưa đến sự diệt tận của duyên duyên như vậy, thì người này là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn của Sa-môn, đồng với Bà-la-môn của Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với pháp hiện tại tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

### M

#### KINH 482. HỖ LẠC<sup>106</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đang mùa hạ an cư, gia chủ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì gia chủ, bằng nhiều hình thức mà thuyết pháp, khai thị, soi sáng, chỉ dạy, làm cho hoan hỷ. Sau khi được Phật khai thị, soi sáng, chỉ giáo, làm cho hoan hỷ, gia chủ đứng dậy sửa lại y phục, đánh lễ dưới chân Phật, rồi chấp tay, bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn và đại chúng từ bi thọ nhận lời thỉnh nguyện của con, trong ba tháng hạ, cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời. Khi ấy Cấp Cô Độc biết Phật đã im lặng nhận lời rồi, đứng dậy từ giã trở về nhà mình. Qua ba tháng, ông đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật bảo Cấp Cô Độc:

---

<sup>106</sup>. Tham chiếu, Paṭṭi, A. 5, 176. Piti.

“Lành thay, gia chủ! Ông ba tháng qua đã cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ. Ông do vào sự trang nghiêm tịnh trị thượng đạo<sup>107</sup> này, mà ở đời vị lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên mặc nhiên thụ hưởng sự an lạc này, phải tinh tấn lúc nào cũng học, để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly<sup>108</sup>.”

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc nghe Phật dạy như vậy, tùy hỷ hoan hỷ, đứng dậy đánh lễ ra về.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi giữa đại chúng, biết ông Cấp Cô Độc đã về rồi, liền bạch Phật:

“Kỳ diệu thay, Thế Tôn! Khéo vì gia chủ Cấp Cô Độc thuyết pháp khích lệ ông Cấp Cô Độc rằng: ‘Ông ba tháng đã cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ. Ông do vào sự trang nghiêm tịnh trị thượng đạo này, mà ở đời vị lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên mặc nhiên thụ hưởng phước báo này, phải tinh tấn lúc nào cũng học, để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly.’”

“Bạch Thế Tôn, giả sử Thánh đệ tử học để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly, sở đắc viễn ly năm pháp<sup>109</sup> và phải tu tập viên mãn năm pháp.

“Thế nào là viễn ly năm pháp? Đoạn trừ hỷ được nuôi lớn bởi dục, đoạn trừ ưu được nuôi lớn bởi dục, đoạn trừ xả được nuôi lớn bởi dục; đoạn trừ hỷ được nuôi lớn bởi pháp bất thiện, đoạn trừ ưu được nuôi lớn bởi pháp bất thiện. Đó gọi là năm pháp viễn ly.

“Thế nào là tu tập viên mãn năm pháp? Đó là tùy hỷ, hoan hỷ, khinh an<sup>110</sup>, lạc và nhất tâm.”

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đúng thế, đúng thế! Nếu Thánh đệ tử học để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly, sở đắc viễn ly năm pháp và phải tu tập viên mãn năm pháp.”

---

<sup>107</sup>. Nghĩa là, trang nghiêm và chính sửa con đường sanh Thiên.

<sup>108</sup>. Viễn ly hỷ lạc » पवित्रकिया-पिती-सुखा (Paṭṭi: pavivekaja-pīti-sukha); đây chỉ hỷ lạc trạng thái Sơ thiền. Paṭṭi: kinti maya kaḷena kaḷoḷā paviveka pītiṃ upasampajja, làm sao tùy thời tôi chúng và an trú với trạng thái hỷ do viễn ly này?

<sup>109</sup>. Viễn ly ngũ pháp » पावकस्या-अहाणाणनि तस्मिं नो हonti, trong thời gian (học hạnh viễn ly) ấy, có năm trường hợp không xảy ra.

<sup>110</sup>. Nguyên Hán: ý tức 舍 \* 息.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 483. VÔ THỰC LẠC<sup>111</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có niệm có thực vị, có niệm không thực vị<sup>112</sup>, có niệm vừa không thực vị vừa có thực vị. Có lạc có thực vị, có lạc không thực vị, có lạc vừa không thực vị vừa có thực vị. Có xả có thực vị, có niệm không thực vị, có xả vừa không thực vị vừa có thực vị. Có giải thoát có thực vị, có giải thoát không thực vị, có giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là niệm có thực vị? Niệm<sup>113</sup> sanh ra do năm dục làm nhân duyên.

“Thế nào là niệm không thực vị? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện; có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, thành tựu và an trụ Sơ thiền. Đó gọi là niệm không thực vị.

“Thế nào là niệm vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo có giác, có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và trụ Nhị thiền. Đó gọi là niệm vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là lạc có thực vị? Lạc, hỷ, do năm dục làm nhân duyên sanh ra. Đó gọi là lạc có thực vị.

“Thế nào là lạc không thực vị? Dứt có giác có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh. Đó gọi là vô thực lạc.

“Thế nào là lạc vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo lìa

<sup>111</sup>. Lạc phi vật chất. Paḷi, S. 36. 29. Niraḁmisāḁ.

<sup>112</sup>. Thực niệm vô thực niệm प' ० प' ० प' ० प' ० प' ०. Paḷi: atthi saḁmisāḁ p'iti atthi niraḁmisāḁ p'iti, có hỷ do vật dục (saḁmisā: có thịt), có hỷ phi vật dục (niraḁmisā: không có thịt).

<sup>113</sup>. Bản Paḷi: p'iti, hỷ.

hỷ, tham, an trụ xả tâm với chánh niệm, chánh tri, trụ an lạc, điều mà Thánh nói là xả. Đó gọi là lạc vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là xả có thực vị? Xả do ngũ dục làm nhân duyên sanh ra. Đó gọi là xả có thực vị.

“Thế nào là xả không thực vị? Tỳ-kheo lìa hỷ tham, an trụ xả tâm, với chánh niệm, chánh tri, an trụ lạc, điều Thánh nói là xả, thành tựu và an trú Tam thiên. Đó gọi là xả không thực vị.

“Thế nào là xả vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo xa lìa khổ, dứt lạc; ưu và hỷ trước đã dứt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, nhất tâm, thành tựu và an trú Tứ thiên. Đó gọi là vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là giải thoát có thực vị? Hành cùng đi với sắc<sup>114</sup>.

“Thế nào là vô thực giải thoát? Hành cùng đi với vô sắc.

“Thế nào là giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo kia, giải thoát với tâm không nhiễm tham dục, không nhiễm sân nhuế, ngu si. Đó gọi là giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 484. BẠT-ĐÀ-LA<sup>115</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la<sup>116</sup> và Tôn giả A-nan đều ở vườn Cấp cô độc rừng cây Kỳ-đà. Khi ấy Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Bạt-đà-la. Sau khi thăm hỏi sức khỏe xong, ngồi xuống một bên, rồi Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Bạt-đà-la:

“Thế nào gọi là thấy đệ nhất<sup>117</sup>? Thế nào là nghe đệ nhất? Thế nào là lạc đệ nhất? Thế nào là tưởng đệ nhất? Thế nào là hữu đệ

<sup>114</sup>. Sắc câu hành. Paøli: ruøpappaøisaøyutto vimokkho, giải thoát liên hệ với sắc.

<sup>115</sup>. Paøli, A. 5. 170. Bhaddaji.

<sup>116</sup>. Bạt-đà-la 跋陀羅 . Paøli: Bhaddaji.

<sup>117</sup>. Kiến đệ nhất 見第一 . Paøli: dassaønaø aggaø, tối thượng trong những cái được thấy.

nhất<sup>118</sup>?”

Tôn giả Bạt-đà-la nói với Tôn giả A-nan:

“Có Phạm thiên, là đấng tự tại, tạo tác, biến hóa như ý, là cha của thế gian. Thấy được Phạm thiên thì gọi đó là cái thấy đệ nhất.

“Này A-nan, có chúng sanh có hỷ lạc do viễn ly sanh thắm nhuần khắp mọi nơi, mọi nơi đều cảm giác hân hoan, toàn thân sung mãn, không chỗ nào là không tràn đầy bởi hỷ lạc phát sanh do viễn ly. Chúng sanh này, sau khi xuất định, xướng lên giữa đại chúng: ‘Vô cùng tịch tĩnh thay, hỷ lạc do viễn ly sanh này! Vô cùng tịch tĩnh thay, hỷ lạc do viễn ly sanh này!’ Nghe được âm thanh này thì gọi là cái nghe đệ nhất.

“Lại nữa A-nan, nếu có chúng sanh ở nơi thân này có lạc do đã lìa hỷ thắm nhuần khắp mọi nơi, mọi nơi đều cảm giác hân hoan, toàn thân sung mãn, không chỗ nào là không tràn đầy bởi lạc do đã lìa hỷ này. Đó gọi là lạc đệ nhất.

“Thế nào là tưởng đệ nhất? Này A-nan, có chúng sanh vượt qua tất cả thức nhập xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ vô sở hữu nhập xứ. Nếu khởi lên tưởng này, thì gọi là tưởng đệ nhất.

“Thế nào là hữu đệ nhất? Lại nữa A-nan, có chúng sanh vượt qua tất cả Vô sở hữu nhập xứ, thành tựu và an trụ Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ. Nếu khởi hữu này, thì gọi là hữu đệ nhất.”

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Bạt-đà-la:

“Có nhiều người thấy như vậy, nói như vậy; vậy thì Tôn giả cũng giống họ, đâu có khác gì? Tôi dùng phương tiện hỏi Tôn giả, Tôn giả hãy lắng nghe, tôi sẽ vì Tôn giả mà nói. Theo như cái được quán sát này, mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là cái thấy đệ nhất. Theo như điều được nghe mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là cái nghe đệ nhất. Theo như lạc được phát sanh mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là lạc đệ nhất. Theo như điều được tưởng mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là tưởng đệ nhất. Như thực quán sát, lần lượt diệt tận các lậu, thì đó mới gọi là hữu đệ nhất.”

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ sau khi bàn luận xong, đứng dậy cáo từ.

## M

---

<sup>118</sup>. Hữu đệ nhất 有第一, chỉ cõi trời Hữu đánh. Pāḷi: bhavaṃnā aggaṃ, tối thượng trong các hữu.

## KINH 485. ƯU-ĐÀ-DI<sup>119</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vua Bình-sa<sup>120</sup> đi đến chỗ Tôn giả Ưu-đà-di, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

“Đức Thế Tôn nói có bao nhiêu thọ?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Tâu Đại vương, Thế Tôn nói ba thọ: thọ khổ, thọ lạc thọ không khổ không lạc.”

Vua Bình-sa bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

“Chớ nói như vậy, rằng ‘Thế Tôn nói ba thọ là thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc.’ Nhưng đúng ra phải nói có hai thọ là thọ khổ và thọ lạc. Thọ không khổ không lạc là tịch diệt.”

“Nói ba lần như vậy.”

Tôn giả Ưu-đà-di không thể xác lập ba thọ với vua và vua cũng không thể xác lập hai thọ. Cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di bạch lại với Phật những sự việc trên một cách đầy đủ:

“Con cũng không thể xác lập được ba thọ và vua cũng không thể xác lập được hai thọ; nên nay chúng con cùng đến hỏi Thế Tôn, xin quyết định nghĩa này, là có mấy thọ?”

Phật bảo Tôn giả Ưu-đà-di:

“Ta có khi nói một thọ, có khi nói hai thọ, hoặc có khi nói ba, bốn, năm, sáu, mười tám, ba mươi sáu, cho đến một trăm lẻ tám thọ, hoặc có khi nói vô lượng thọ.

“Ta nói một thọ như thế nào? Như nói, ‘Những gì là thọ đều là khổ.’ Đó gọi là Ta nói có một thọ.

“Ta nói hai thọ như thế nào? Nói, ‘Thân thọ và tâm thọ.’ Đó gọi là có hai thọ.

“Thế nào là ba thọ? Thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui.

---

<sup>119</sup>. S. 36. 19. Paócaikaigo.

<sup>120</sup>. Bình-sa vương <sup>२</sup> *Paśy* (Pāṭli: Bimbisāra); vua nước Ma-kiệt-đà. Bản Pāṭli: Paócaikaigako thapati (Ngũ chi vật chủ), một người thợ mộc



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

“Thế nào là bốn thọ? Thọ hệ thuộc Dục giới, thọ hệ thuộc Sắc giới, thọ hệ thuộc Vô sắc giới và thọ không hệ thuộc.

“Thế nào là nói năm thọ? Lạc căn, hỷ căn, khổ căn, ưu căn và xả căn. Đó gọi là năm thọ.

“Thế nào là sáu thọ? Thọ sanh từ nhãn xúc, thọ sanh từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là sáu thọ.

“Thế nào là mười tám thọ? Thọ, theo sáu hỷ hành, sáu ưu hành và sáu xả hành. Đó gọi là mười tám thọ.

“Thế nào là ba mươi sáu thọ? Hỷ y sáu tham trước, hỷ y sáu ly tham; ưu y sáu tham trước, ưu y sáu ly tham; xả y sáu tham trước, xả sáu ly tham. Đó gọi là ba mươi sáu thọ.

“Thế nào là một trăm lẻ tám thọ? Ba mươi sáu thọ quá khứ, ba mươi sáu thọ vị lai và ba mươi sáu thọ hiện tại. Đó gọi là một trăm lẻ tám thọ.

“Thế nào là vô lượng thọ? Như nói thọ này, thọ kia v.v... Đây Tỳ-kheo, như vậy gọi là vô lượng thọ.

“Đây Ưu-đà-di, Ta bằng nhiều hình thức như vậy nói như thật nghĩa của thọ. Thế gian không hiểu, nên tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau, trọn không nắm được nghĩa chân thật trong pháp luật của Ta, để tự dừng lại.

“Đây Ưu-đà-di, nếu đối với nghĩa của nhiều loại thọ mà Ta đã nói đây, hiểu biết như thật, thì không khởi tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau. Với tranh luận đã khởi lên hay chưa khởi lên, có thể bằng pháp luật này mà ngăn ngừa, khiến cho nó đình chỉ.

“Nhưng này Ưu-đà-di, có hai thọ: thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Thọ do nhân duyên năm công đức của dục sanh ra, đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục? Tỳ-kheo ly dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền, đó gọi là thọ ly dục.

“Nếu có người nói: ‘Chúng sanh nương vào Sơ thiền này, chỉ có đây là lạc, ngoài ra không còn gì khác.’ Điều này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn cái lạc này. Đó là gì? Tỳ-kheo lìa có giác, lìa có quán, nội tĩnh, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và an trụ Nhị thiền; đó gọi là lạc thù thắng. Như vậy, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, càng lên càng thù thắng hơn.

“Nếu có người nói: ‘Chỉ có những xứ này, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng là cực lạc, không còn chỗ nào khác.’ Như vậy cũng lại không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn những nơi này nữa. Đó là gì? Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng thành tựu; đó là cái lạc thù thắng hơn cái lạc trên.

“Nếu có kẻ xuất gia dị học nói: ‘Sa-môn Thích tử chỉ nói đến tưởng thọ diệt và cho là đã đến chỗ tận cùng của lạc’, điều này không đúng. Vì sao? Vì đây không phải là danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn đã nói. Danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn nói là, như nói: ‘Này Ưu-đà-di, có bốn thứ lạc. Những gì là bốn? Đó là lạc ly dục, lạc viễn ly, lạc tịch diệt và lạc Bồ-đề.’”

Phật nói kinh này xong, Ưu-đà-di và vua Bình-sa nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 486. NHẤT PHÁP (1)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà sanh chân chánh nhằm tởm, không ưa, xả bỏ, sẽ chứng đắc lậu tận. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, thật sự nhằm tởm, không ưa, xả bỏ, sẽ đến chỗ tận cùng mé khổ và giải thoát khỏi khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

KINH 488. NHẤT PHÁP (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ tận trừ các lậu hoặc. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ diệt trừ hết các lậu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 489. NHẤT PHÁP (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ đến chỗ tận cùng của mé khổ và giải thoát khỏi khổ. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ ở của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ

đến chỗ tận cùng của mé khổ và giải thoát khỏi khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

